

HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ QUỐC PHÒNG CỦA VIỆT NAM, DỰ BÁO ĐẾN NĂM 2030

AN VĂN QUÂN*, TRÀ THỊ THOA**

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ anquank20@gmail.com

**Học viện Lục quân, ✉ thoatra@ymail.com

Ngày nhận bài: 09/8/2024; ngày sửa chữa: 06/9/2024; ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Kể từ đầu thế kỷ XXI, tình hình an ninh thế giới diễn biến phức tạp khiến nhu cầu đẩy mạnh hội nhập quốc tế về quốc phòng của các quốc gia trở nên cần thiết hơn. Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề này nhằm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Việt Nam chủ động tham gia các cơ chế hợp tác quốc phòng song phương và đa phương, qua đó giữ vững an ninh quốc gia. Tuy nhiên, những hạn chế là không tránh khỏi. Đối ngoại quốc phòng Việt Nam trong tương lai được dự báo sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức mới. Trong bài viết, tác giả trình bày những nét nổi bật trong thực tiễn triển khai chính sách hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam, dự báo đến năm 2030 và đề xuất một số kiến nghị chính sách cho Việt Nam. Tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp logic-lịch sử và phương pháp dự báo nhằm làm rõ tiến trình và xu hướng phát triển của đối ngoại quốc phòng Việt Nam.

Từ khóa: đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế, quốc phòng

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội nhập quốc tế về quốc phòng là một bộ phận hợp thành chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước (Hà Nguyên Cát, 2022). Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam có điều kiện để thúc đẩy công tác hội nhập quốc tế nói chung. Tại Đại hội Đảng VIII (1996), thuật ngữ “hội nhập” lần đầu tiên được sử dụng, đánh dấu bước chuyển cơ bản trong tư duy của Đảng về lĩnh vực này. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế, Việt Nam chủ yếu chú trọng hợp tác trong lĩnh vực kinh tế. Vai trò của hội nhập quốc tế về quốc phòng chỉ được chính thức khẳng

định tại Đại hội Đảng XI (2011): “Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Đây được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đối ngoại quốc phòng Việt Nam. Đến Đại hội Đảng XII, lần đầu tiên đối ngoại quốc phòng đa phương được trình bày trong văn kiện, thể hiện sự quan tâm toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại Đại hội Đảng XIII, Đảng xác định cần phải gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế-xã hội (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Trên thực tế, hội nhập quốc tế về quốc phòng đã giúp Việt Nam tranh thủ được sự hỗ trợ từ bên ngoài, đúc rút được các bài học trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc của nhiều quốc gia trong cộng đồng quốc tế, đồng thời nhận diện được những hạn chế của mình để

khắc phục kịp thời. Ngoài ra, thông qua các hoạt động giao lưu quốc phòng, Việt Nam có thêm cơ hội để quảng bá những giá trị tốt đẹp của dân tộc cũng như xây dựng, củng cố lòng tin với các nước khác. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, tình hình chính trị thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp, đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam trong quá trình tham gia hội nhập quốc tế về quốc phòng. Theo đó, trong khuôn khổ bài viết, tác giả sẽ phân tích quá trình triển khai hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam trên bình diện song phương và đa phương từ đầu thế kỷ XXI đến nay, đưa ra một số dự báo và kiến nghị chính sách.

2. THỰC TIỄN TRIỂN KHAI HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ QUỐC PHÒNG CỦA VIỆT NAM

2.1. Hợp tác quốc phòng song phương

Sự chuyển đổi từ duy bạn thù sang đối tác, đối tượng không chỉ giúp Việt Nam mở rộng mạng lưới các đối tác mà còn đưa các mối quan hệ này đi vào chiều sâu, nhất là các nước láng giềng, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Bước sang thế kỷ XXI, Việt Nam thúc đẩy quan hệ quốc phòng với các nước dựa trên sự tương đồng về mục tiêu hòa bình, phát triển và tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, thay vì dựa trên yếu tố ý thức hệ như trước đó. Việt Nam ưu tiên hợp tác quốc phòng với các nước láng giềng để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và giải quyết các mối đe dọa về an ninh chung. Ngoài ra, quan hệ với các nước đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, nhất là các nước lớn được chú trọng nhằm tận dụng nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ về trình độ quản lý, góp phần hiện đại hóa quân đội trong tình hình mới. Tính đến năm 2023, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng với hơn 100 quốc gia thuộc cả năm châu lục, trong đó bao gồm năm nước thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (Hoàng Xuân Chiến, 2023). Trong khi có 52 quốc gia đặt cơ quan Tùy viên quốc phòng tại Việt Nam thì Việt Nam cũng có 33 cơ quan Tùy viên quốc phòng trực tiếp và kiêm nhiệm tại 41 quốc gia. Bên cạnh đó, cơ chế Đối thoại chính sách quốc phòng cấp Thứ trưởng cũng được Việt Nam thiết lập với 16 quốc gia

(Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Nga, Ấn Độ, Australia, New Zealand, Pháp, Italia, Nam Phi, Singapore, Thái Lan, Phillipines, Campuchia và Cuba) để tìm hiểu nhu cầu, khả năng và định hướng hợp tác của các bên.

Việc duy trì và củng cố quan hệ hợp tác quốc phòng song phương với các nước láng giềng giúp Việt Nam bảo vệ thành công biên giới trên bộ và trên biển. Quân đội Việt Nam, Lào, Campuchia và Trung Quốc đã triển khai xây dựng tuyến biên giới hữu nghị, an toàn, ổn định, phát triển và vững mạnh toàn diện. Các nước thường xuyên thực hiện các cuộc tuần tra chung, kết nghĩa giữa các đồn trạm tại khu vực biên giới và tăng cường giao lưu giữa nhân dân các nước. Giai đoạn từ 2009 đến 2022, Bộ Quốc phòng Việt Nam phối hợp tổ chức 11 cuộc diễn tập phòng, chống tội phạm, di cư trái phép và cứu hộ cứu nạn, kết nghĩa được 180 cặp/265 đồn biên phòng, trạm kiểm tra xuất nhập cảnh của Trung Quốc, Lào và Campuchia (Lê Đức Thái, 2022). Bên cạnh đó, Việt Nam có cơ chế tham vấn hải quân song phương với 12 quốc gia và triển khai hiệu quả hoạt động tuần tra chung nhằm bảo đảm an ninh tại các vùng biển giáp ranh với Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia. Những bất đồng trên Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc được hai bên kiểm soát và thống nhất giải quyết bằng biện pháp hòa bình. Trong giai đoạn trước, Trung Quốc tiến hành nhiều hoạt động trái với pháp luật quốc tế như cắt cáp tàu Bình Minh (2011), hạ đặt trái phép giàn khoan HD-981 tại vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam (2014), bồi đắp các đảo nhân tạo quy mô lớn (từ 2014) và tuyên bố thành lập huyện Tây Sa và Nam Sa (2020). Tuy nhiên, những vấn đề này đã được hai bên tăng cường trao đổi và tránh leo thang căng thẳng thành xung đột quân sự.

Ngoài ra, Quân đội Việt Nam cũng thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các cường quốc trên thế giới như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ... thông qua các hình thức như trao đổi đào tạo, đoàn công tác và hội thảo. Hợp tác quốc phòng với các nước lớn giúp Việt Nam nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu và chất lượng nguồn nhân lực. Đối với Mỹ,

hợp tác quốc phòng giữa Việt Nam và nước này phát triển nhanh chóng kể từ khi bình thường mối quan hệ vào năm 1995. Từ năm 2010, hai nước tiến hành đối thoại cấp thứ trưởng và ký kết Biên bản ghi nhớ về thúc đẩy hợp tác quốc phòng vào năm 2011. Năm 2015, Mỹ đồng ý hỗ trợ 6 tuần tuần tra cho Việt Nam, đánh dấu một bước tiến quan trọng khác trong quan hệ quốc phòng hai nước. Đến năm 2016, lệnh cấm bán vũ khí sát thương cho Việt Nam cũng được dỡ bỏ hoàn toàn, tạo tiền đề cần thiết để hai bên thúc đẩy thương mại quốc phòng, qua đó giúp Việt Nam nâng cao năng lực quốc phòng, nhất là đối phó với những thách thức an ninh trên Biển Đông. Năm 2020, Việt Nam chính thức cử lực lượng tham gia diễn tập cùng hải quân 26 nước trong khuôn khổ RIMPAC-2020, 8 năm sau khi lần đầu tiên gửi quan sát viên tham dự cuộc diễn tập này. Ngoài ra, tàu sân bay của Mỹ đã 3 lần ghé thăm cảng biển tại Đà Nẵng, Việt Nam vào các năm 2018, 2020 và 2023. Hai bên đang mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực ưu tiên như hỗ trợ nhân đạo, giải quyết hậu quả chiến tranh, tăng cường an ninh biển, hợp tác tình báo, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm mạng. Về hợp tác đào tạo, Việt Nam tiếp tục tham gia chương trình đào tạo tiếng Anh, chỉ huy tham mưu, nghiên cứu chiến lược, hợp tác quân y cũng như chia sẻ kinh nghiệm tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình đối với quân đội Mỹ. Đối với Nga, đây được coi là đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam về kỹ thuật quân sự. Năm 2014, Việt Nam đặt mua tàu ngầm lớp Kilo, máy bay chiến đấu Sukhoi Su-30MK2, tàu khu trục Gepard và một số khí tài quân sự từ phía Nga. Đáng chú ý, Việt Nam không chỉ là nhà nhập khẩu vũ khí quân sự mà còn cùng với các đối tác Nga nghiên cứu và chế tạo các sản phẩm phục vụ nhiệm vụ quốc phòng. Hợp tác quốc phòng Việt Nam – Nga thậm chí còn mở rộng sang cả lĩnh vực nghiên cứu, vận dụng các học thuyết và nghệ thuật quân sự phù hợp với những biến đổi của tình hình an ninh thế giới. Về hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, Việt Nam bắt đầu gửi học viên sang học tập tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng Nga từ năm 1998 và kể từ năm 2006 Nga cấp cho Việt Nam các học bổng đào

tạo miễn phí hàng năm. Đối với Nhật Bản, Việt Nam chia sẻ nhiều điểm chung về lợi ích chính trị với Nhật Bản trong việc duy trì hòa bình và ổn định tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm chống tội phạm xuyên quốc gia, chống khủng bố, cũng như chống phổ biến vũ khí hạt nhân. Về vấn đề Biển Đông, Nhật Bản ủng hộ quan điểm giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982, tuân thủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC), phản đối hành động đơn phương thay đổi nguyên trạng ở Biển Đông. Trong khi hỗ trợ tàu tuần tra cho các nước Đông Nam Á hải đảo, năm 2019, Nhật Bản hỗ trợ 6 tàu tuần tra thiết kế riêng cho Việt Nam đảm bảo phù hợp với yêu cầu và đặc điểm bờ biển Việt Nam. Đối với Ấn Độ, Việt Nam nhận được nhiều sự hỗ trợ của nước này đối với lực lượng hải quân và cảnh sát biển. Hai bên đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác hải quân năm 2011 và Biên bản ghi nhớ giữa lực lượng cảnh sát biển Việt Nam và lực lượng bảo vệ bờ biển Ấn Độ năm 2015. Hải quân Ấn Độ thường xuyên ghé thăm các cảng của Việt Nam, hỗ trợ xây dựng Lữ đoàn tàu ngầm và trang bị vũ khí phòng vệ bờ biển, giúp đỡ chuyển giao công nghệ đóng tàu tuần tra. Ngoài ra, Ấn Độ giúp đào tạo hàng trăm thủy thủ tàu ngầm và phi công lái máy bay tiêm kích Su-30 cho Việt Nam.

2.2. Hợp tác quốc phòng đa phương

Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tích cực tham gia các hội nghị, diễn đàn và các chương trình hành động của nhiều tổ chức khu vực và thế giới. Việt Nam là thành viên tích cực, có trách nhiệm của các diễn đàn như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM), Hội nghị thượng đỉnh an ninh châu Á (Shangri-la), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+). Đáng chú ý, Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc tham gia các diễn đàn, hội nghị trên mà còn chủ động đề xuất các sáng kiến, định hình luật chơi, đảm bảo phù hợp với lợi ích của các bên. Đơn

cử như trong quá trình tham gia ADMM+, Việt Nam chủ động xây dựng các cơ sở pháp lý cần thiết cho việc thành lập cơ chế này, đề xuất thành lập nhóm chuyên gia về hành động mìn nhân đạo, đề xuất diễn tập tìm kiếm cứu nạn trên biển và diễn tập thực hành Bộ Quy tắc tránh va chạm ngẫu nhiên trên biển. Đây là những vấn đề được Việt Nam quan tâm nhằm giải quyết các hậu quả của chiến tranh trong quá khứ cũng như những mối đe dọa về an ninh chủ quyền trên biển. Đối với các hoạt động hợp tác đa phương, Việt Nam thường xuyên tham gia các hoạt động diễn tập quốc tế như RIMPAC (Mỹ), MILAN (Ấn Độ), KAKADU (Australia), KOMODO (Indonesia), Diễn tập hải quân ASEAN với Trung Quốc và Diễn tập an ninh hàng hải trong khuôn khổ ADMM+. Đặc biệt, năm 2014, lần đầu tiên Việt Nam cử lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, thể hiện bước phát triển mới về hội nhập quốc tế về quốc phòng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Hàng trăm lượt sĩ quan được cử tham gia hoạt động tại ba Phái bộ UNMISS (tại Cộng hòa Nam Sudan), MINUSCA (tại Trung Phi) và UNISFA (tại Abyei – khu vực tranh chấp giữa Cộng hòa Sudan và Nam Sudan) đã hoàn thành tốt các công việc được yêu cầu. Năm 2018, Việt Nam lần đầu tiên triển khai thành công Bệnh viện dã chiến cấp 2 tại Bentiu, Nam Sudan – nơi đóng quân của Phái bộ UNMISS. Năm 2022, Việt Nam cũng triển khai Đội công binh hạng nhẹ tới Phái bộ UNISFA, đóng góp tích cực vào duy trì hòa bình tại khu vực này. Đây là lĩnh vực hoạt động mới nên cần sự hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm của các nước khác và của Liên hợp quốc. Theo đó, Việt Nam ký kết 09 Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình với các đối tác Trung Quốc, Mỹ, Nga, Pháp, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand, đồng thời ký 02 Bản ghi nhớ với Liên hợp quốc về triển khai các đơn vị đến các Phái bộ Gìn giữ hòa bình là cơ sở pháp lý cần thiết để Việt Nam nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang thiết bị và thể chế.

Nhìn chung, đối ngoại quốc phòng của Việt Nam được triển khai một cách hiệu quả, hỗ trợ tốt

cho các lĩnh vực đối ngoại khác, qua đó duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Từ đầu thế kỷ XXI, đối ngoại quốc phòng được đẩy mạnh cả về song phương và đa phương với những bước đi phù hợp. Đối ngoại quốc phòng được triển khai một cách hiệu quả, góp phần bảo vệ thành công biên giới quốc gia, nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, chất lượng nguồn nhân lực và uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, trước những biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đối ngoại quốc phòng Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. Điều này đòi hỏi Quân đội Nhân dân Việt Nam tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, đồng thời khắc phục những hạn chế để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ QUỐC PHÒNG CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

3.1. Tình hình thế giới

Trong vòng 10 năm tới, cục diện chính trị thế giới sẽ có những biến đổi mạnh mẽ do đang ở trong thời kỳ tái định hình theo hướng đa cực, đa trung tâm. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2022, thập niên tiếp theo là giai đoạn quyết định tới vị thế của Mỹ so với các đối thủ cạnh tranh, trực tiếp là Trung Quốc. Mỹ xem Trung Quốc là thách thức địa chính trị lớn nhất trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, quan hệ Mỹ - Trung Quốc tiếp tục là cặp quan hệ quan trọng nhất, chi phối tới tình hình thế giới trên hầu hết tất cả các lĩnh vực. Mỹ sẽ tiếp tục củng cố quan hệ với đồng minh và đối tác để kiềm chế Trung Quốc, làm suy yếu Nga và tập trung triển khai chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Ngoài ra, kết quả bầu cử Mỹ vào cuối năm 2024 được dự báo sẽ tạo ra nhiều thay đổi lớn trong triển khai chính sách của nước này đối với các khu vực trên thế giới. Về phía mình, Trung Quốc tăng cường tập hợp lực lượng đối phó với Mỹ thông qua các sáng kiến An ninh toàn cầu và Phát triển toàn cầu. Trong khi đó, Nga và các nước khác trong cộng đồng quốc

tế ngày càng được coi trọng trong tính toán chiến lược của Mỹ và Trung Quốc. Việc giải quyết mối quan hệ giữa các tam giác chiến lược Mỹ-Trung Quốc-Nga; Mỹ-Trung Quốc-Ấn Độ hay Mỹ-Trung Quốc-Liên minh châu Âu cũng đòi hỏi các bên phải đầu tư nhiều nguồn lực. Về kinh tế, thế giới sẽ tiếp tục đà phục hồi sau khi kiểm soát thành công Đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, chuỗi cung ứng toàn cầu lấy Trung Quốc làm trung tâm sẽ thay đổi theo hướng đa dạng hơn, tạo thành mạng lưới kết nối nhiều chuỗi để hỗ trợ lẫn nhau. Nền kinh tế số được các nước chú trọng phát triển hơn nữa do hiệu quả mà nó mang lại. Công nghệ và tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, cùng với lao động, vốn và nguyên vật liệu. Ngoài ra, việc xây dựng khuôn khổ, quy tắc thương mại số ở cấp độ khu vực và toàn cầu sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ. Điều này xuất phát từ thực trạng có nhiều nước tiến hành đánh thuế đơn phương lên các tập đoàn công nghệ số, gây nhiều tranh cãi trong thương mại quốc tế. Về an ninh, các vấn đề về an ninh truyền thống và phi truyền thống tiếp tục diễn biến phức tạp hơn dưới tác động của chính trị cường quyền và chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Xung đột vũ trang giữa các quốc gia ngày càng có xu hướng gia tăng. Kể từ năm 2020, thế giới liên tiếp chứng kiến các xung đột liên quốc gia, tiêu biểu là xung đột giữa Armenia và Azerbaijan, giữa Nga và Ukraine, giữa Israel và lực lượng Hamas. Ngoài ra, các nguy cơ sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế diễn biến theo chiều hướng xấu tại không ít các khu vực trên thế giới. Đáng chú ý, việc ứng dụng khoa học công nghệ mới vào phát triển và cải tiến hệ thống vũ khí quân sự tại nhiều quốc gia khiến môi trường an ninh quốc tế căng thẳng hơn. Trong khi đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống tiếp tục gây ra nhiều hệ lụy cho người dân trên toàn cầu. nỗ lực hợp tác của các quốc gia trong giải quyết các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trên phạm vi toàn cầu vẫn chưa mang lại kết quả rõ ràng. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở sự khác biệt trong quan điểm và mức độ cam kết của các cường quốc.

3.2. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, các nước lớn sẽ tiếp tục xem khu vực này là trọng tâm

để triển khai chiến lược cạnh tranh ảnh hưởng. Nếu như trật tự đa cực đang hình thành trên phạm vi toàn cầu thì những thay đổi trong tương quan so sánh lực lượng tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương dẫn tới một trật tự khu vực bị chi phối mạnh mẽ bởi cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc Xu hướng tập hợp lực lượng tại khu vực này bị phân hóa mạnh giữa một bên là Mỹ, bên kia là Trung Quốc, do các cường quốc thúc đẩy quyết liệt các chiến lược, sáng kiến như Sáng kiến An ninh toàn cầu (GSI), Sáng kiến Phát triển toàn cầu (GDI), Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), Chiến lược “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP), Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (IPEF), Cơ chế hợp tác bốn bên (QUAD), Hiệp ước An ninh ba bên (AUKUS) để kiềm chế lẫn nhau. Ngoài ra, ở cấp độ tiểu vùng, Mỹ thúc đẩy sáng kiến hạ nguồn sông Mê Công (LMI) và Trung Quốc triển khai Tầm nhìn vành đai kinh tế Lan Thương-Mê Công (MLC). Trước sức ép chọn bên ngày càng lớn, các nước vừa và nhỏ theo đuổi nhiều dạng thức tập hợp lực lượng, vừa tranh thủ lợi ích từ sáng kiến của các nước lớn, vừa chủ động phòng bị. Tại khu vực Đông Nam Á, với vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực, ASEAN tiếp tục là tổ chức có vai trò quan trọng trong việc giúp các quốc gia thành viên ứng phó với các áp lực từ cạnh tranh nước lớn. Về kinh tế, châu Á-Thái Bình Dương sẽ vẫn là khu vực phát triển kinh tế năng động và liên kết kinh tế là dòng chảy chính, là nhu cầu chung của cộng đồng quốc tế. Khu vực này cho thấy những tín hiệu tích cực về khả năng phục hồi sau tác động của đại dịch COVID-19. Về an ninh, các giải pháp nhằm hạ nhiệt các điểm nóng về an ninh tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương sẽ vẫn là một bài toán khó khi các nguyên nhân căn bản dẫn tới tình trạng này chưa được giải quyết. Cụ thể, Triều Tiên sẽ không từ bỏ ý định phát triển vũ khí hạt nhân vì đây là con bài mặc cả chủ yếu của nước này để có thể duy trì sự tồn tại. Hơn nữa, việc duy trì hiện trạng của bán đảo Triều Tiên sẽ tiếp tục được Trung Quốc ủng hộ bởi nếu hai miền Triều Tiên được thống nhất sẽ đe dọa nghiêm trọng tới an ninh quốc gia của Trung Quốc. Đối với Trung

Quốc, Triều Tiên là sự che chắn chiến lược đối với toàn bộ khu vực Đông Bắc và Hoa Bắc bao gồm cả thủ đô Bắc Kinh, là vùng đệm ngăn cách Trung Quốc tiếp xúc trực tiếp với Mỹ, là điểm nóng phân tán sức mạnh của Mỹ và quân bài mặc cả với Mỹ, là khu vực cho phép Trung Quốc duy trì khả năng tiếp cận biển Nhật Bản thông qua cảng Rajin, là yếu tố giúp Trung Quốc quản lý cộng đồng khoảng 2,5 triệu người Triều Tiên sinh sống tập trung tại ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc. Tương tự, vấn đề eo biển Đài Loan khó có thể tìm ra lời giải trong ngắn hạn. Trong nhiều thập kỷ qua, các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc đều nỗ lực xúc tiến các giải pháp nhằm thống nhất Đài Loan trên nguyên tắc một Trung Quốc nhưng chưa mang lại kết quả. Ngoài sự khác biệt lớn về tình hình nội bộ của hai bên, nhân tố Mỹ là rào cản lớn đối với những tính toán chiến lược của Trung Quốc đối với Đài Loan. Mỹ sẽ không làm ngơ trong trường hợp an ninh của Đài Loan bị đe dọa. Đối với Mỹ, Đài Loan là một mắt xích quan trọng trong chuỗi đảo thứ nhất để bao vây Trung Quốc, một chốt chặn Trung Quốc trên con đường tiến ra Thái Bình Dương và một điểm tựa để Mỹ triển khai chiến lược tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Về vấn đề Biển Đông, để thỏa mãn nhu cầu về nguồn năng lượng và bành trướng lãnh thổ, Trung Quốc triển khai những chính sách mạnh bạo hơn, gia tăng bất đồng giữa các bên tranh chấp. Ngoài ra, vấn đề nguồn nước sông Mê Công tiếp tục diễn biến phức tạp và ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều nước trong cũng như ngoài khu vực. Nhìn chung, kể từ đầu thế kỷ XXI, xu hướng cạnh tranh địa chính trị có xu hướng gia tăng trở lại ở phạm vi toàn cầu cũng như khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Môi trường đối ngoại của các nước nói chung và Việt Nam nói riêng phải đối mặt với nhiều thách thức.

3.3. Tình hình Việt Nam

Hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, việc triển khai công tác hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam vẫn còn bộc lộ những điểm hạn chế cần phải khắc phục.

Thứ nhất, trong giai đoạn đầu đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế về quốc phòng được triển khai một cách dè dặt, xuất phát từ chủ trương ưu tiên hội nhập quốc tế về kinh tế trước (Đỗ Quang Thành, 2020). Điều này là dễ hiểu khi vào thời kỳ kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn trì trệ và phải đối mặt với áp lực từ cấm vận. Theo đó, Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế, thêm bạn bớt thù, chuyển từ đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình nhưng xác định chuyển mạnh hoạt động ngoại giao từ quan hệ chính trị là chủ yếu sang quan hệ chính trị-kinh tế. Nhìn chung, quá trình hội nhập quốc tế về quốc phòng của Việt Nam trong giai đoạn này được triển khai chậm hơn so với nhiều nước khác trên thế giới.

Thứ hai, hệ thống luật pháp có thời điểm còn chưa theo kịp với thực tiễn triển khai công tác hội nhập quốc tế về quốc phòng. Đơn cử như việc Nghị quyết của Quốc hội Việt Nam về tham gia gìn giữ hòa bình được ban hành vào năm 2020, sáu năm sau khi đã triển khai gửi cán bộ tới công tác tại các phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Nhìn chung, sự thiếu đồng bộ về chính sách về hội nhập quốc tế về quốc phòng ở những thời điểm cụ thể phần nào gây ra những khó khăn trong quá trình triển khai. Mặc dù những thành tựu mà đối ngoại quốc phòng là không thể phủ nhận nhưng việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý là cần thiết để nâng cao hơn nữa hiệu quả triển khai chính sách trên thực tế.

Thứ ba, năng lực nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược của Việt Nam trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực còn chưa cao. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ngờ, ảnh hưởng mạnh mẽ tới cộng đồng quốc tế, làm tốt công tác dự báo về những vấn đề chính trị, kinh tế và quốc phòng an, ninh sẽ giúp Việt Nam đề ra được những đối sách phù hợp để tối đa hóa lợi ích quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ điểm hạn chế trong công tác dự báo: “công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa thật chủ động” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Thực

tế, việc triển khai công tác dự báo trong lĩnh vực quốc phòng càng gặp nhiều thách thức vì nó phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất đặc thù của chính hoạt động quân sự. Đây là lĩnh vực được bảo vệ và bảo mật nghiêm ngặt nên mọi hoạt động nghiên cứu, nắm tình hình gặp nhiều khó khăn (Đặng Trí Dũng, 2022).

3.4. Một số kiến nghị

Trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, khu vực và những hạn chế của Việt Nam trong triển khai chính sách hội nhập quốc tế về quốc phòng, Việt Nam cần quan tâm tới một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế về quốc phòng cần đảm bảo đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Ngoài ra, Việt Nam cần luôn giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập. Không thể phủ nhận rằng hội nhập quốc tế về quốc phòng góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển Quân đội và đất nước. Tuy nhiên, quá trình hội nhập này cũng tạo ra những cơ hội để các thế lực thù địch can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam trên cơ sở mượn danh dân chủ, nhân quyền hay tự do tôn giáo. Vì vậy, quá trình hội nhập quốc tế về quốc phòng, Việt Nam cần nhận định chính xác tính toán chiến lược của các nước, kiên định nguyên tắc “bốn không”, đồng thời linh hoạt, chủ động, và kiên quyết trong xử lý các vấn đề liên quan tới lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thứ hai, hội nhập quốc tế về quốc phòng cần gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, góp phần tạo dựng sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, đối ngoại quốc phòng giúp tạo môi trường thuận lợi để phát triển đất nước. Làm tốt công tác đối ngoại quốc phòng giúp củng cố lòng tin giữa Việt Nam với các đối tác, đồng thời cung cấp thêm các thông tin, nhận định, đánh giá về tình hình thế giới và khu vực nhằm tạo thế chủ động trong thực hiện mục tiêu phát triển. Ngược lại, kinh tế, xã hội phát triển góp phần nâng cao tiềm lực và hiệu quả của công tác quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, trong hoạt động lập pháp, Việt Nam cần chủ động, kịp thời rà soát hệ thống chính sách và pháp luật, từ đó có những sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật liên quan tới công tác đối ngoại về quốc phòng. Ngoài ra, hệ thống luật pháp của Việt Nam cần đảm bảo đồng bộ và phù hợp với luật pháp quốc tế. Trong ký kết, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương cần chú trọng đến yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác đối ngoại về quốc phòng. Theo đó, quân đội cần tăng cường phổ cập kiến thức liên quan tới công tác đối ngoại quốc phòng với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, tạo nền tảng nhận thức về hội nhập quốc tế phù hợp với thực tiễn. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại cần được trang bị kiến thức chuyên môn giỏi, nhất là năng lực phân tích, dự báo và ngoại ngữ, qua đó có thể đưa ra được những tham mưu sát, đúng và kịp thời.

4. KẾT LUẬN

Môi trường đối ngoại nói chung và đối ngoại quốc phòng nói riêng sẽ diễn biến phức tạp và đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam. Tình hình thế giới và khu vực chứa đựng nhiều yếu tố gây bất ổn, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia Việt Nam. Các đối tác quan trọng tiếp tục điều chỉnh chiến lược và chính sách đối ngoại, tạo ra những áp lực cho Việt Nam trong việc duy trì nền đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của mình. Ngoài ra, vai trò của các thể chế đa phương tiếp tục bị thách thức bởi xu hướng phân tuyến trong mô hình tập hợp lực lượng. Ngày càng xuất hiện nhiều hơn các thể chế đa phương mới với những luật chơi mới có lợi cho các quốc gia khởi xướng. Trong khi đó, sự đoàn kết cũng như vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực tiếp tục bị thách thức, ảnh hưởng tới lợi ích của Việt Nam, nhất là trong vấn đề Biển Đông và sông Mê Công. Do vậy, hội nhập quốc tế về quốc phòng cần tiếp tục được quan tâm và chú trọng phát triển cả về lý luận, tổ chức và nguồn nhân lực./.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Chính trị. (2013). *Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế*.
- Hà Nguyên Cát. (2022). *Hội nhập quốc tế về quốc phòng-an ninh của Việt Nam hiện nay*. <https://vietnamhoinhap.vn/vi/hoi-nhap-quoc-te-ve-quoc-phong-an-ninh-cua-viet-nam-hien-nay-41129.htm>.
- Hoàng Xuân Chiến. (2023). *Quân đội tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng trong tình hình mới*. <http://tapchiquptd.vn/vi/chuyen-luan-chi-dao/quan-doi-tich-cuc-chu-dong-hoi-nhap-quoc-te-va-doi-ngoai-quoc-phong-trong-tinh-hinh-moi/21052.html>.
- Đặng Trí Dũng. (2022). *Dự báo và khoa học dự báo*. Hà Nội: Nxb: Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb: Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb: Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb: Chính trị quốc gia Sự thật.
- Quân ủy Trung ương. (2013). *Nghị quyết 806/NQ/QUTW về hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo*.
- Lê Đức Thái. (2022). *Đối ngoại biên phòng – Thực trạng và những vấn đề cần quan tâm. Kỳ yếu Hội thảo Chiến lược hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*.
- Đỗ Quang Thành. (2020). *Quan hệ quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Kỳ yếu Hội thảo Chiến lược hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*.

**VIETNAM'S DEFENCE INTERNATIONAL INTEGRATION,
PROSPECTS TOWARDS 2030**

AN VAN QUAN, TRA THI THOA

Abstract: Since the beginning of the 21st century, the complex international security environment has boosted the need for defence international cooperation among countries. In fact, the Communist Party of Vietnam has put much emphasis on defence international integration in order to protect the Fatherland early and from afar. Vietnam has proactively participated in bilateral as well as multilateral defence cooperation mechanisms, thereby securing its national security. However, limitations are inevitable. Vietnam's defence diplomacy is expected to deal with more challenges in the coming time. Within this article, the author aims to shed light on Vietnam's defence international integration activities, prospects towards 2030 and to propose some recommendations. In terms of methodology, logical, historical and forecasting methods are used to clarify the developments and prospects of Vietnam's defence diplomacy.

Keywords: *defence diplomacy, international integration, national defence*

Received: 09/8/2024; Revised: 06/9/2024; Accepted: 25/9/2024